

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2025
(Kèm theo Công văn số 226/TCKH ngày 10/4/2025 của phòng Tài chính - Kế hoạch)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý I năm 2025	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2/1</i>	<i>4</i>
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	170.300	44.336	26%	103%
I	Thu nội địa	170.300	44.336	26%	107%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước		10		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	55.300	24.028	43%	115%
4	Thuế thu nhập cá nhân	11.000	3.751	34%	107%
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	23.000	6.483	28%	139%
7	Thu phí, lệ phí	4.300	1.984	46%	89%
8	Các khoản thu về nhà, đất	71.700	6.540	9%	84%
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>				
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	50	8		
-	<i>Thu tiền sử dụng đất và giao đất trồng rừng</i>	61.500	6.487		
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	10.150	46		
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu từ bán tài sản nhà nước				
11	Thu khác ngân sách	5.000	1.540	31%	64%
12	Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích				
II	Thu viện trợ				
III	Các khoản huy động theo quy định của pháp luật				
B	THU NGÂN SÁCH TP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	154.200	41.832	27%	108%
1	Từ các khoản thu phân chia	49.200	5.190		
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	105.000	36.642		

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2025
(Kèm theo Công văn số 226/TCKH ngày 10/4/2025 của phòng Tài chính - Kế hoạch)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý I năm 2024	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	I	2	3=2/I	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	536.417	90.841	17%	105%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	526.615	87.982	17%	102%
I	Chi đầu tư phát triển	59.844	1.172	2%	8%
1	Chi đầu tư cho các dự án	59.844	1.172		
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	444.165	86.810	20%	121%
	<i>Trong đó</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	252.215	53.098		
2	Chi khoa học và công nghệ				
3	Chi y tế, dân số và gia đình				
4	Chi văn hóa thông tin	3.526	884		
5	Chi phát thanh, truyền hình	2.871	528		
6	Chi thể dục thể thao	933	0,48		
7	Chi sự nghiệp môi trường	21.000	1.888		
8	Chi sự nghiệp kinh tế khác	46.684	2.275		
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	99.775	23.043		
10	Chi bảo đảm xã hội	8.826	1.111		
11	Chi khác ngân sách	640	1.595		
III	Dự phòng ngân sách	10.257			
IV	Tăng thu ngân sách 2025	3.500			
V	Nguồn thu sử dụng đất năm 2025 chưa phân bổ	7.613			
VI	Cân đối để thực hiện các nhiệm vụ khác phát sinh trong năm	1.236			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	9.802	2.859	29%	
I	Vốn thực hiện các chương trình MTQG	9.802	2.859		
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	3.843	1.347		
-	Vốn đầu tư	3.011	1.347		
-	Vốn sự nghiệp	832			
2	Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	5.959	1.433		
-	Vốn đầu tư	5.959	1.381		
-	Vốn sự nghiệp		52		
3	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững		79		
-	Vốn đầu tư				
-	Vốn sự nghiệp		79		

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2025
(Kèm theo Công văn số 226/TCKH ngày 10/4/2025 của phòng Tài chính - Kế hoạch)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý I/2025	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2/1</i>	<i>4</i>
A	TỔNG NGUỒN THU NS ĐỊA PHƯƠNG	536.417	248.763	46%	183%
I	Thu cân đối NSNN	154.200	41.832	27%	104%
1	Thu nội địa	154.200	41.832	27%	108%
2	Thu viện trợ				
3	Các khoản huy động theo quy định của pháp luật				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		92.631		3436%
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	382.217	114.300	30%	122%
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	536.417	90.841	17%	105%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	526.615	87.982	17%	102%
1	Chi đầu tư phát triển	59.844	1.172	2%	8%
2	Chi thường xuyên	444.165	86.810	20%	121%
3	Dự phòng ngân sách	10.257			
4	KP tăng thu ngân sách năm 2025 chưa phân bổ để thực hiện các nhiệm vụ	3.500			
5	Nguồn thu sử dụng đất năm 2025 chưa phân bổ	7.613			
6	Cân đối để thực hiện các nhiệm vụ khác phát sinh trong năm	1.236			
III	Chi bổ sung có mục tiêu	9.802	2.859	29%	
I	Vốn thực hiện các chương trình MTQG	9.802	2.859	29%	
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	3.843	1.347	35%	
-	Vốn đầu tư	3.011	1.347		
-	Vốn sự nghiệp	832			
2	Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	5.959	1.433	24%	
-	Vốn đầu tư	5.959	1.381		
-	Vốn sự nghiệp		52		
3	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững		79		
-	Vốn đầu tư				
-	Vốn sự nghiệp		79		